

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 612/2026/HC-PT
Ngày: 26 – 5 – 2026
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 254/2026/TLPT-HC ngày 09 tháng 02 năm 2026 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2025/HC-ST ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2026/QĐPT-HC ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1958 (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

1.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: số B đường L, khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Nay là số B đường L, khu phố L, xã T, tỉnh Lâm Đồng).

1.2. Bà Nguyễn Thị Kiều C1, sinh năm 1994 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn An Lạc, xã Tánh Linh, tỉnh Lâm Đồng

Đại diện theo ủy quyền của bà M, bà C1: Bà Nguyễn Nữ Hoàng G, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Nhà số G, đường G, T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện tại: Nhà số B, đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh

1.3. Bà Nguyễn Nữ Hoàng G, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Nhà số G, đường G, T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện tại: Nhà số B, đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà M, bà C1: Bà Nguyễn Nữ Hoàng G, sinh năm 1990 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: số B đường L, khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Nay là số B đường L, khu phố L, xã T, tỉnh Lâm Đồng).

Đại diện theo ủy quyền:

2.1. Ông Đỗ Thanh B, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ G, khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là ấp I, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Bà Nguyễn Nữ Hoàng G, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Nhà số G, đường G, T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện tại: Nhà số B, đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh L.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trọng Y – Chức vụ: Phó Chủ tịch (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn D - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L (Theo Công văn số 4482/UBND-NC ngày 01/10/2025 và Công văn số 4976/UBND-NC ngày 09/10/2025) (xin vắng mặt)

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ủy ban nhân dân thị trấn L

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (vắng mặt)

2/. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện T

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (vắng mặt)

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị M – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện trình bày (tóm tắt):

Người khởi kiện ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị M cho rằng nguồn gốc thửa đất tọa lạc tại nhà số B, đường L, khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận là phần đất dôi dư, tiếp giáp với thửa đất của gia đình ông C, bà M (lô số 4 theo bản đồ và giấy tờ cấp đất). Năm 1992, ông C, bà M đã tự san lấp khu vực ao, vũng để sử dụng làm bãi đậu xe và nhà kho phục vụ sản xuất; việc san lấp có sự xác nhận của những người sinh sống tại địa phương thời điểm đó. Đến ngày 20/02/1993, ông bà đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với diện tích đất này (biên lai số 006654). Từ năm 1993 đến năm 2013, khu vực này không có quy hoạch hoặc quyết định liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

Quá trình sử dụng đất, gia đình ông C, bà M quản lý, sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp. Năm 2005, do nhu cầu xây dựng phòng học mầm non, chính quyền địa phương có đề nghị gia đình cho mượn đất đã san lấp để xây dựng tạm 02 phòng học; ông bà đồng ý cho mượn bằng lời nói, không lập thành văn bản. Sau một thời gian sử dụng, các phòng học xuống cấp, ngành giáo dục di dời lớp học đến nơi khác và giao lại mặt bằng cho gia đình tiếp tục quản lý, sử dụng (cũng không lập văn bản).

Ngày 01/11/2022, ông C, bà M nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kèm theo các tài liệu chứng minh gồm: biên lai thuế năm 1993, giấy xác nhận nguồn gốc và ranh giới đất có chữ ký của các hộ liền kề. Khi làm việc với UBND thị trấn L, ông bà khẳng định thửa đất do gia đình khai hoang, cải tạo và sử dụng từ trước ngày 15/02/1993; đồng thời yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp tài liệu nếu cho rằng đây là đất Nhà nước quản lý, tuy nhiên không được cung cấp.

Ngày 14/11/2022, UBND thị trấn L ban hành Văn bản số 338/UBND trả lời, cho rằng không có thửa đất như kê khai trong hồ sơ và bản vẽ kèm theo không có giá trị pháp lý; đồng thời không xem xét, đối chiếu các tài liệu khác do ông bà

cung cấp. Ông C, bà M cho rằng việc trả lời này là chưa đầy đủ, thiếu căn cứ pháp lý.

Sau đó, ông bà tiếp tục đề nghị xóa quy hoạch đất giáo dục đối với thửa đất nêu trên để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận. Tuy nhiên, tại Văn bản số 44/UBND ngày 14/02/2023, UBND thị trấn xác định thửa đất là đất công do Nhà nước quản lý, thuộc quỹ đất giáo dục. Ông C, bà M cho rằng nội dung này không có căn cứ, do gia đình chưa từng nhận được quyết định thu hồi đất, quy hoạch hay bồi thường theo quy định.

Không đồng ý, ông bà đã thực hiện khiếu nại. Ngày 25/4/2023, Chủ tịch UBND thị trấn L ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu. Tiếp đó, ông bà khiếu nại lần hai đến UBND huyện T. Ngày 09/8/2023, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2381/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai.

Cho rằng các quyết định hành chính nêu trên xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, ông C, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án: (1) hủy Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn L; (2) hủy Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện T. Đồng thời, ngày 13/5/2024, ông bà bổ sung yêu cầu đề nghị công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 676, diện tích 680,4m² tại khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay thuộc xã T, tỉnh Lâm Đồng).

Người bị kiện UBND huyện T trình bày tại Công văn số 458/UBND-NC ngày 05/3/2024:

Việc Ủy ban nhân dân huyện giải quyết khiếu nại (Lần 2) đối với bà Nguyễn Thị M, cư trú tại số B đường L, khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận là bảo đảm theo quy định của Luật Đất đai và trình tự, thủ tục theo quy định Luật Khiếu nại. Việc bà Nguyễn Thị Mến yêu C2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 875m² (Đo đạc hiện trạng là 753m²) là không có cơ sở để giải quyết với các lý do như sau:

- Qua kết quả xác minh cũng như thu thập hồ sơ tài liệu thì gia đình bà Nguyễn Thị M không có một trong các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi bổ sung tại khoản 16 và khoản 17 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

- Theo bản đồ 299; bản đồ và sổ mục kê năm 2004; bản đồ đo đạc chỉnh lý và sổ mục kê năm 2013 và đến nay theo Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện T; Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của huyện T thì diện tích 875m² đều thể hiện là đất do nhà nước quản lý, được quy hoạch sử dụng

đất giao thông và đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo. Trên thực tế nhà nước đã sử dụng một số diện tích để xây dựng 02 phòng học từ năm 2003, một phần diện tích thuộc hành lang đường bộ và thuộc đường giao thông.

Ngoài diện tích 150m² (Đo đạc chính lý năm 2013 là 154.5m²) mang tên ông Nguyễn Đình C đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C796722 ngày 20/10/1995. Phần diện tích 875m² đất mà gia đình bà M đang khiếu nại yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất lấn chiếm do nhà nước quản lý, đã vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, cũng không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13.

Do đó, UBND huyện T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. UBND tỉnh L kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện T không trình bày ý kiến, giữ nguyên ý kiến của UBND huyện T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện T; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã T trình bày: Ý kiến của ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị M là không đúng, 02 phòng học của Trường M1 sử dụng, quản lý là đất công. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện không có thẩm quyền để giao đất công cho gia đình ông C, bà M. Việc 02 phòng học không còn sử dụng là do nhà trường phải gom bớt điểm trường để đảm bảo tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia. Vì vậy, yêu cầu của ông C, bà M về việc đòi quyền sở hữu diện tích đất của 02 phòng học là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2025/HC-ST ngày 31 tháng 10 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Áp dụng Điều 204 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 17, 18 Luật Khiếu nại năm 2010; Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 42 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị M về việc:

- Huỷ Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị M (lần hai);

- Hủy Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị M (lần đầu).

2/. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất số 676, diện

tích 680,4m² tại khu phố L, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 11/11/2025, người khởi kiện ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Nữ Hoàng G trình bày: Người khởi kiện kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì đất do gia đình ông C, bà M mua của nhà nước ngày 15/02/1993, sau đó đổ đất để làm kho bãi máy cày, có xác nhận của trưởng khu phố, quá trình sử dụng đất có đóng thuế đất phi nông nghiệp và không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị M làm trong hạn luật định; hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản đồ 299, sổ mục kê năm 2004, bản đồ đo đạc và sổ mục kê năm 2013 thì phần diện tích đất 875m² hiện nay gia đình ông Nguyễn Đình C khiếu kiện thuộc thửa đất số 676 do Nhà nước quản lý, được quy hoạch là đất giao thông và xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo. Trên thực tế tại bản đồ chồng ghép ngày 15/10/2023 trên đất đã xây dựng 02 phòng học từ năm 2003, một phần diện tích thuộc hành lang đường bộ và thuộc đường giao thông.

Ông C, bà M cho rằng diện tích đất trên do ông C, bà M tự khai hoang nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc khai hoang thửa đất ngoài lời khai của hai người làm chứng và Giấy nộp thuế đất năm 1993. Tại điểm 2c Mục I Thông tư số 83-TC/TCT ngày 07/10/1994 của Bộ T1 và điểm c khoản 1 Điều 4 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 thì việc nộp thuế đất không phải là căn cứ để giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất. Việc nộp thuế đất trong trường hợp này không có nghĩa là nhà nước thừa nhận tính hợp

pháp về quyền sử dụng đất. Mặt khác, theo Biên bản ngày 15/02/1993 về việc cắm tiêu mốc đất, giao đất cho 04 hộ dân mà ông C, bà M cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện đất được giao cho 04 hộ dân liền kề nhau; ông Nguyễn Đình C được nhận lô số 4, diện tích 150m². Diện tích đất này ông C đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796722 ngày 20/10/1995, thửa đất số 166. Kết quả xác minh từ Thanh tra huyện T thì những hộ gia đình tại xã Đ đều nộp thuế giống nhau (300m²) nên có cơ sở xác định biên lai nộp thuế mà ông C, bà M cung cấp là thực hiện nghĩa vụ tài chính cho phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông C, bà M cho rằng phần đất này trước đây do ông C, bà M sử dụng; đến năm 2005 cho chính quyền địa phương mượn đất để xây dựng trường mẫu giáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về quá trình sử dụng đất cũng như việc cho mượn đất.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông C, bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về quá trình khai hoang, quản lý, sử dụng đất; không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất trên qua các thời kỳ; đồng thời phần diện tích đất khiếu nại theo hồ sơ địa chính thuộc đất công do Nhà nước quản lý, được quy hoạch là đất giao thông và xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo. Do đó, ông C, bà M không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (nay là điểm a khoản 3 Điều 139 Luật Đất đai 2024; điểm e khoản 6 Điều 34 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ). Chủ tịch UBND thị trấn L và Chủ tịch UBND huyện T bác khiếu nại của ông C, bà M là đúng quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án có nhận được văn bản của Công ty TNHH S đề nghị được tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do Công ty đang thuê căn nhà trên đất của ông C, bà M để sản xuất, kinh doanh. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án hành chính, ông C bà M khởi kiện đối với quyết định giải quyết khiếu nại về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà, không giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nên không làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH S. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH S vào tham gia tố tụng là phù hợp.

Đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất số 676, diện tích 680,4 m² tại khu phố L, xã T, tỉnh Lâm Đồng cho ông C, bà M, yêu cầu khởi kiện này không phải là hành vi hành chính, quyết định hành chính, không thuộc phạm vi giải quyết vụ án hành chính nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là đúng quy định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông C, bà M không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông C, bà M

là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên được miễn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị M.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2025/HC-ST ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị M được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng